

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2022/DS-ST
Ngày: 18-4-2022
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản và hợp đồng
mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Cường Huy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Duy Trâm.

2. Bà Lê Thị Chung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Đông – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Di Linh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Di Linh: Bà My La - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 178/2021/TLST-DS ngày 13/12/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXX-DS ngày 15/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân Th.

Địa chỉ: Số 49, thôn 4, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Vợ chồng ông K'B bà Ka Tr.

Địa chỉ: Số 188 Thôn 2B xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Vợ chồng ông K'B bà Ka Tr vắng mặt. Ông Thủy có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 05/11/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Thủy trình bày :

Từ trước năm 2013, ông có nhiều lần bán phân bón, gạo và cho vợ chồng ông K'B bà Ka Tr vay tiền, số lượng, loại hàng đã bán và số tiền vay cụ thể thế nào thì

không nhớ, tuy nhiên đến ngày 19/4/2013 thì ông Thủy và vợ chồng ông K'B bà Ka Tr có đối chiếu và chốt lại số tiền ông K'B bà Ka Tr còn nợ là 115.064.000đ, đồng thời hai bên có làm giấy ghi nhận số tiền nợ, thỏa thuận mức lãi suất là 1,8%/tháng, hạn đến tháng 5/2013 sẽ trả trước 20.000.000đ. Nay ông Thủy khởi kiện yêu cầu ông K'B bà Ka Tr trả 115.064.000đ nợ gốc và tiền lãi trên số nợ gốc theo mức lãi 1,5%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 19/4/2013 đến ngày 16/12/2021 làm tròn là 104 tháng, thành tiền là 179.500.000đ. Tổng gốc và lãi là 294.564.000đ. Tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu là giấy ghi nợ ngày 19/4/2013.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu, không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới. Trong suốt quá trình giải quyết, bị đơn không đến tòa làm việc, không có ý kiến trình bày, không cung cấp cho Tòa án tài liệu chứng cứ gì. Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý, thông báo kết quả công khai chứng cứ cho bị đơn đúng theo quy định.

Tại phiên tòa ông Thủy xác định, mặc dù theo giấy nhận nợ ngày 19/4/2013 có đề cập đến nội dung vợ chồng ông K'B bà Ka Tr giao đất cho ông, tuy nhiên thực tế vợ chồng ông K'B bà Ka Tr không giao đất hay tài sản gì cho ông để cản trừ nợ. Việc mua bán, vay mượn là quan hệ giữa ông Thủy và vợ chồng ông K'B bà Ka Tr, không liên quan đến Công ty Đại Tây Dương. Công ty Đại Tây Dương chỉ là nơi ông Thủy làm việc. Ông yêu cầu vợ chồng ông K'B bà Ka Tr trả 115.064.000đ nợ gốc và tiền lãi trên số nợ gốc theo mức lãi 1,5%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 19/4/2013 đến ngày 18/4/2022 làm tròn 108 tháng, thành tiền là 186.403.000đ. Tổng gốc và lãi yêu cầu là 301.467.000đ. Tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu là Giấy ghi nợ ngày 19/4/2013. Ngoài ra ông Thủy cam kết không còn lưu giữ giấy tờ tài liệu gì khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, thẩm phán và hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Viên kiểm sát không có yêu cầu kiến nghị gì.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Không chấp nhận một phần yêu cầu tính lãi của ông Thủy. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về việc áp dụng pháp luật: Quan hệ vay mượn tiền và mua bán tài sản giữa ông Thủy và vợ chồng ông K'B bà Ka Tr phát sinh từ trước năm 2013, đến

ngày 19/4/2013 thì các bên mới đối chiếu chốt lại số tiền nợ. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để xem xét về nội dung là đúng quy định.

[2] Về tố tụng: Căn cứ các Điều 26; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 428 và Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Bị đơn có nơi cư trú tại xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng nên Tòa án nhân dân huyện Di Linh có thẩm quyền giải quyết là đúng quy định.

[3] Về sự vắng mặt của bị đơn. Vợ chồng ông K'B bà Ka Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng không đến tòa làm việc, không tham gia phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

[4] Về nội dung tranh chấp : Căn cứ lời trình bày của các đương sự, giấy viết tay thể hiện các nội dung ghi nợ ngày 19/4/2013 thì thấy rằng, từ trước thời điểm ngày 19/4/2013 giữa ông Thủy và vợ chồng ông K'B bà Ka Tr có nhiều lần mua bán gạo, phân bón và vay mượn tiền với nhau. Do thời gian quá lâu nên ông Thủy không tách ra được các khoản nợ do mua bán và nợ do vay mượn. Người tham gia việc mua bán, vay mượn là cá nhân ông Nguyễn Xuân Th chứ không phải Công ty Đại Tây Dương. Đến ngày 19/4/2013 thì ông Thủy và vợ chồng ông K'B bà Ka Tr mới đối chiếu chốt lại số tiền còn nợ do vay mượn và mua bán cộng chung lại thành một khoản tiền nợ gốc là 115.064.000đ nội dung này được thể hiện trong giấy viết tay ghi ngày 19/4/2013 vợ chồng ông K'B bà Ka Tr có ký tên, điểm chỉ bên dưới. Tài liệu này đã được tòa án công khai, niêm yết kết quả phiên họp công khai chứng cứ đúng theo quy định, vợ chồng ông K'B bà Ka Tr không có ý kiến phản hồi. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định vợ chồng ông K'B bà Ka Tr có vay tiền, có mua gạo, phân bón của ông Thủy và còn nợ số tiền 115.064.000đ nhưng chưa trả là có thật. Cần buộc vợ chồng ông K'B bà Ka Tr hoàn trả cho ông Thủy 115.064.000đ tiền nợ gốc là phù hợp.

[5] Ngoài ra ông Thủy còn yêu cầu vợ chồng ông K'B bà Ka Tr trả lãi của số tiền nợ gốc theo mức lãi 1,5%, thời gian tính lãi từ ngày 19/4/2013 đến ngày 18/4/2022 làm tròn 108 tháng thành tiền 186.403.000đ. Xét thấy mức lãi suất mà ông Thủy yêu cầu là cao hơn quy định tại khoản 1 Điều 476 của Bộ luật Dân Sự năm 2005, nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu tính lãi của ông Thủy. Theo quyết định số 2868/QĐ-NHNN, ngày 29 tháng 11 năm 2010 của ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam tại thời điểm là 9%/năm. Hội đồng xét xử cần xem xét áp dụng mức lãi suất 1,125%/tháng để tính lãi là đúng quy định. Cụ thể phần yêu cầu tiền lãi được chấp nhận là $115.064.000đ \times 1,125\% \times 108 \text{ tháng}$, thành tiền là 139.802.760đ. Không chấp nhận một phần yêu cầu tính lãi của ông Thủy, phần tiền lãi không được chấp nhận là 46.600.240đ.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của ủy ban thường vụ Quốc hội. Vợ chồng ông K'B bà Ka Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền gốc và lãi phải trả cho ông Thủy là phù hợp. Xét ông Thủy sinh năm 1960 là người cao tuổi, nhưng không có đơn yêu cầu miễn án phí. Do đó, ông Thủy phải chịu án phí cho phần yêu cầu tính tiền lãi không được chấp nhận là đúng quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 26; 35; 39; khoản 2 Điều 92; điểm b khoản 1 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 428; 438; 471; 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Căn cứ Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân Th. Vợ chồng ông K'B bà Ka Tr có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Xuân Th số tiền nợ gốc 115.064.000đ (một trăm mười lăm triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) và 139.802.760đ (một trăm ba mươi chín triệu tám trăm lẻ hai nghìn bảy trăm sáu mươi đồng) tiền lãi. Tổng chung số tiền phải trả là 254.866.760đ (hai trăm năm mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm sáu mươi đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu tính tiền lãi của ông Nguyễn Xuân Th, phần tiền lãi yêu cầu không được chấp nhận là 46.600.240đ (bốn mươi sáu triệu sáu trăm nghìn hai trăm bốn mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Vợ chồng ông K'B bà Ka Tr phải nộp 12.743.338đ (mười hai triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn ba trăm ba mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Xuân Th phải chịu 2.330.012đ (hai triệu ba trăm ba mươi nghìn không trăm mười hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Ông Nguyễn Xuân Th có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Vợ chồng ông K'B bà Ka Tr vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Di Linh;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Bá Cường Huy

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH-LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc 10 giờ 00 phút ngày 18 tháng 4 năm 2022, tại Phòng nghị án TAND huyện Di Linh. HĐXX đã tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 178/2021/TLST-DS ngày 13/12/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXX-DS ngày 15/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ông Nguyễn Xuân Th.**

Địa chỉ: Số 49, thôn 4, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: **Vợ chồng ông K'B bà Ka Tr.**

Địa chỉ: Số 188 Thôn 2B xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Vợ chồng ông K'B bà Ka Tr vắng mặt. Ông Thủy có mặt.

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Phạm Bá Cường Huy.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đào Duy Trâm - Bà Lê Thị Chung.

1- Ý kiến thành viên HĐ xét xử:

Hội thẩm Trâm ý kiến:

- Căn cứ Điều 26; 35; 39; khoản 2 Điều 92; điểm b khoản 1 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 428; 438; 471; 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Căn cứ Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân Th. Vợ chồng ông K'B bà Ka Tr có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Xuân Th số tiền nợ gốc 115.064.000đ (một trăm mười lăm triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) và 139.802.760đ (một trăm ba mươi chín triệu tám trăm lẻ hai nghìn bảy trăm sáu mươi đồng) tiền lãi. Tổng chung số tiền phải trả là 254.866.760đ (hai trăm năm mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm sáu mươi đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu tính tiền lãi của ông Nguyễn Xuân Th, phần tiền lãi yêu cầu không được chấp nhận là 46.600.240đ (bốn mươi sáu triệu sáu trăm nghìn hai trăm bốn mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án

theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Vợ chồng ông K'B bà Ka Tr phải nộp 12.743.338đ (mười hai triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn ba trăm ba mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Xuân Th phải chịu 2.330.012đ (hai triệu ba trăm ba mươi nghìn không trăm mười hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Ông Nguyễn Xuân Th có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Vợ chồng ông K'B bà Ka Tr vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Ý kiến Hội thẩm Chung : Nhất trí với ý kiến của hội thẩm Trâm.

Ý kiến của chủ Tọa phiên Tòa: Thống nhất với ý kiến của hai hội thẩm.

+ Biểu quyết: Chủ tọa và hai hội thẩm biểu quyết thống nhất 3/3 phát hành bản án như ý kiến hội thẩm Trâm.

Nghị án kết thúc lúc 10 giờ 30 cùng ngày.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa